

SMSS	Họ	Tên	Đ	DSố	STK
TV	Lót	n	T	RTiền	
T		B	LHB		
		H			
		T			
1 K37.	Bùi	Qu	3.	9 3150	
101.0	Đức	ang	678	000	
99					
2 K37.	Nguy	Th	3.	9 2625	
101.1	ễn	ươ	450	000	
34	Hoài	ng			
3 K37.	Lê	Kh	3.	9 2625	
101.0	Thị	ánh	232	000	
56					
4 K37.	Trần	Chi	3.	9 2100	
101.0	Đình	ễn	162	000	
16					
5 K37.	Phan	Th	3.	9 2100	
101.1	Thị	ủy	130	000	
29	Ngọc				
6 K37.	Trần	Tạ	3.	8 2100	
101.1	Ngọc	o	082	000	
10	Quan				
	g				
7 K37.	Nguy	Th	3.	7 2100	
101.1	ễn	anh	062	000	
14	Duy				
8 K37.	Lê	Nh	3.	7 2100	
101.0	Thị	âm	037	000	
88	Hồng				
9 K37.	Trần	Du	3	8 2100	
101.0	Kim	yên	2	000	
22					
1 K37.	Hà	Sư	3	7 2100	
0 101.1	Thị	ơn	2	000	
06	Thanh	g			
1 K37.	Dư	An	2.	9 2100	
1 101.0	Ngọc	h	970	000	
05	Minh				
1 K37.	Lê	Hư	2.	8 2100	
2 101.0	Thị	ơn	952	000	
52	Kim	g			
1 K37.	Hàn	La	2.	8 2100	
3 101.0	Thị	n	924	000	
61	Thanh				
1 K37.	Ngô	Trâ	2.	9 2100	
4 101.1	Thị	m	830	000	
35	Bảo				
1 K37.	Nguy	Tú	2.	7 2100	
5 101.1	ễn	Ho	819	000	

50 àng

Huy

1 K37. Nguy Ph 2. 8 2100

6 101.0 ễn úc 782 000

96 Thiên

1 K37. Bạch Mi 2. 8 2100

7 101.0 Quan nh 692 000

76 g

1 K37. Nguy Ma 2. 8 2100

8 101.0 ễn i 562 000

73 Nhật